



*Trong bản tự khai, bị đơn – ông Nguyễn Minh H trình bày:* Về thời gian kết hôn và con chung đúng như bà Ngô Thị Tùng P đã trình bày. Nay bà Phát xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn yêu thương vợ con, muốn gia đình hòa thuận cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con cái. Về việc bà Phát nói ông bạo lực, đánh đập thì thật sự không phải như vậy, tuy cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông cố nhịn mà bà P cứ công kích ông, đánh con để làm ông bức tức nên có lúc ông không kiềm chế được thì có tát tai bà. Ông chỉ thỉnh thoảng đi nhậu chơi với bạn bè chứ không phải bê tha nghiện rượu. Ông trình bày nếu trường hợp không thể hòa giải được thì ông sẽ để cho bà P chăm sóc con chung và đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà P là 2.000.000đ/tháng, nếu được ông sẽ hỗ trợ thêm. Tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:** Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: hiện tại bà Ngô Thị Tùng P đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngô Khả H, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích cho cháu, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Bà P, ông H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: bà Ngô Thị Tùng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Nha Trang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Tùng P và ông Nguyễn Minh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P Đ, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 180 ngày 10/12/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do đó, khi bà P có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn cho thấy tuy vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc do ông H thường xuyên rượu chè về nhà đánh bà P, không quan tâm đến vợ con và hay cãi nhau. Nay tình cảm không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến để làm việc, tại phiên tòa hôm nay ông H lại tiếp tục vắng mặt. Điều này thể hiện ý chí của ông H không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng và coi như bỏ mặc cuộc hôn nhân này đối với bà P.

Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà P là chính đáng và có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Ngô Khả H hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận bà P được nuôi con chung. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng của bà P và ý kiến đồng ý mức cấp dưỡng đó của ông H, Hội đồng xét thấy số tiền đó là phù hợp cho nhu cầu học tập và sinh hoạt hàng tháng của cháu nên có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: bà P, ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà Ngô Thị Tùng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

Căn cứ Điều 227; 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Tùng P được ly hôn ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngô Khả H - sinh ngày 18/8/2016 cho bà Ngô Thị Tùng P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2022 cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông H,

bà P có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

**Quy định:** Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: bà P, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Tùng P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001029 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà P đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Minh H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp.Nha Trang;
- UBND xã P Đ, Nha Trang,
- Khánh Hòa (Giấy CNKH số 180 ngày 10/12/2015);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vũ Linh**